

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG RIỀNG  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2024/DS-ST

Ngày: 19 - 3 - 2024

V/v: “*Tranh chấp yêu cầu công nhận quyền thừa kế theo pháp luật, chia di sản thừa kế theo pháp luật, kiện đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hôm

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Bửu Khánh

2. Ông Võ Minh Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Mỹ Nhan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04/01/2024, ngày 12/3/2024 và ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2022/TLST - DS, ngày 05 tháng 01 năm 2022 về việc “*Tranh chấp yêu cầu công nhận quyền thừa kế theo pháp luật, chia di sản thừa kế theo pháp luật, kiện đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 397/2023/QĐXXST - DS ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa:

**1. Nguyên đơn:**

1.1. Ông Võ Anh Th, sinh năm: 1954 (có mặt)

1.2. Chị Võ Trần Cát T, sinh ngày: 02/9/2003 (có mặt).

1.3. Chị Võ Trần Khánh B, sinh ngày: 03/01/2009 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Cây Bàng, xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của Chị Võ Trần Khánh B là chị Trần Thị M, sinh năm: 1982 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Cây Bàng, xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

**2. Bị đơn:** Bà Huỳnh Thị Đsinh năm: 1956 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Cây Bàng, xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Anh Lê Trường G, sinh năm: 1981 (có đơn xin vắng mặt)

3.2. Chị Võ Ngọc H, sinh năm: 1980 (có đơn xin vắng mặt)

3.3. Chị Võ Ngọc D, sinh năm: 1978 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Cây Bàng, xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

**4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:**

Ông Nguyễn Văn Lâm – Là luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Văn Lâm thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2021, quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa nguyên đơn Ông Võ Anh Th trình bày:*

Ông và bà Huỳnh Thị Đ là vợ chồng có người con chung là Võ Hoàng A, sinh năm 1983. Năm 2003, anh Võ Hoàng A kết hôn với chị Trần Thị M và có hai con chung là Võ Trần Cát Tường, Võ Trần Khánh B. Năm 2017, anh Hoàng A và chị M thuận tình ly hôn theo quyết định số 150/2017/QĐST- HNGĐ ngày 24/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Các con giao cho chị M nuôi dưỡng, giữa anh Hoàng A và chị M không có tài sản chung. Ông được cha mẹ cho lại diện tích đất 12,5 công tầm 3 mét và ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Do ông và bà Đ có một số mâu thuẫn trong việc quản lý, sử dụng tài sản nên hai người tự thỏa thuận chia tài sản để quản lý, sử dụng riêng. Cụ thể: Ông được sử dụng 1,5 công tầm 3 mét; ông giao cho bà Đ 04 công tầm 3 mét nhưng chưa tách quyền sử dụng đất (QSDĐ); tặng cho anh Võ Hoàng A 07 công tầm 3 mét, đã tách QSDĐ cho anh Hoàng A đứng tên là thửa đất số 508, tờ bản đồ 05, diện tích 9,543m<sup>2</sup> loại đất lúa, tọa lạc tại ấp Cây Bàng, xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. GCNQSDĐ của anh Hoàng A hiện nay do bà Đ cất giữ.

Ngày 06/12/2020, anh Võ Hoàng A chết không để lại di chúc. Như vậy thửa đất trên là di sản thừa kế của anh Hoàng A để lại.

Những người thừa kế theo pháp luật của anh Hoàng A gồm: cha, mẹ và các con của người chết (gồm ông, bà Đ, Cát T và Khánh B), riêng chị M đã ly hôn trước khi anh Hoàng A chết nên chị M không được hưởng thừa kế di sản của anh Hoàng A.

Sau khi anh Hoàng A chết, ông có bàn bạc với bà Đ lấy lại 03 công đất để ông sử dụng dùng vào việc thờ cúng, còn 04 công chia cho hai cháu Cát T và Khánh B sử dụng để có tiền sinh sống, học tập vì cuộc sống hai cháu rất khó khăn nhưng bà Đ không đồng ý. Sau đó, bà Đ đã chiếm giữ toàn bộ thửa đất này sản xuất, bà cho rằng khi nào bà qua đời mới giao lại cho hai đứa cháu 02 công đất.

Việc bà Đ chiếm giữ toàn bộ diện tích đất trên là trái pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của những người thừa kế khác. Nay ông Th, chị Cát T và chị Khánh B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Công nhận quyền thừa kế theo pháp luật của ông, Bà Huỳnh Thị Đ, Chị Võ Trần Cát T, Chị Võ Trần Khánh B đối với di sản của anh Võ Hoàng A chết để lại và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của anh Hoàng A là thửa đất số 508, tờ bản đồ 05, diện tích 9,543m<sup>2</sup> (theo đo đạc thực tế 9.606,5m<sup>2</sup>) tọa lạc tại ấp Cây Bàng, xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang thành 04 phần bằng nhau, mỗi người thừa kế nêu trên được hưởng một phần bằng hiện vật.

2. Buộc bà Đgiao lại diện tích đất mà ông, chị T, và chị Khánh B được hưởng để ông và hai cháu sử dụng.

3. Buộc bà Đgiao trả GCNQSDĐ của thửa đất trên do anh Võ Hoàng A đứng tên để làm thủ tục tách QSDĐ cho những người được hưởng thừa kế.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Đthì ông, chị Cát Tvà chị Khánh Bkhông đồng ý.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Chị Võ Trần Khánh B là chị Trần Thị M trình bày:* Chị thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Thđề nghị Tòa án xem xét công nhận.

*Tại đơn bản tự khai, đơn phản tố, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Huỳnh Thị Dtrình bày:* Bà và ông Thlà vợ chồng có người con chung là Võ Hoàng A, sinh năm 1983. Trước khi bà và ông Thphân chia tài sản, vào năm 2003 con bà là Hoàng Akết hôn với chị Trần Thị M, khi đó vợ chồng bà có cho anh Hoàng A02 công đất ruộng để canh tác nhưng chỉ cho bằng miệng chứ không tách QSDĐ. Năm 2017, sau khi vợ chồng anh Hoàng Aly hôn, thì bà và ông Thcó cho anh Hoàng Athêm 02 công đất ruộng nữa, tổng cộng cho trước và sau là 04 công (công tầm 3 mét). Sau khi cho anh Hoàng Axong, bà và ông Thcòn lại 15 công đất ruộng do ông Thđứng tên. Do bà và ông Thcó một số mâu thuẫn trong việc quản lý, sử dụng tài sản nên bà và ông Thtự thỏa thuận chia đôi tài sản để quản lý, sử dụng riêng bà chỉ được sử dụng 07 công. Việc thỏa thuận này được thực hiện sau khi anh Hoàng Aly hôn và có lập giấy tay mỗi người giữ một bản.

Vào năm nào bà không nhớ rõ, sau khi phân chia tài sản với ông Thxong anh Hoàng Ayêu cầu bà và ông Thmỗi người cho thêm 1,5 công đất để anh canh tác thờ cúng ông bà nhưng ông Thkhông đồng ý cho thêm nên bà đã lấy phần đất của mình cho thêm anh Hoàng A03 công tầm 3 mét. Sau đó đã tách QSDĐ cho anh Hoàng Ađứng tên tổng cộng 07 công là thửa đất số 508, tờ bản đồ 05, diện tích 9.543m<sup>2</sup> (07 công tầm 3 mét nằm cùng một mẫu), đất tọa lạc tại ấp Cây Bàng, xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. GCNQSDĐ của anh Hoàng Ahiện bà đang cất giữ.

Năm 2020 con bà là Võ Hoàng A chết nên thửa đất trên hiện bà đang quản lý và cho vợ chồng Anh Lê Trường G, Chị Võ Ngọc H (con gái và con rể của bà) thuê để canh tác, thời hạn thuê là 01 năm. Bà thừa nhận trong số 07 công đất có 04 công là di sản thừa kế do anh Hoàng Ađể lại, còn 03 công là tài sản của bà cho anh Hoàng Ađứng tên để thờ cúng ông bà.

Nay ông Thyeu cầu chia thừa kế theo pháp luật làm 04 phần bằng nhau đối với toàn bộ 07 công đất nêu trên của anh Hoàng Abà không đồng ý.

Ngoài ra bà có yêu cầu phản tố là yêu cầu công nhận diện tích đất 03 công tầm 3 mét, (một phần trong thửa đất số 508 do anh Hoàng Ađứng tên) là thuộc quyền sử dụng của bà. Bà không đồng ý yêu cầu chia thừa kế 04 công đất còn lại do các cháu bà còn nhỏ, bà yêu cầu được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất này đến khi bà già yếu sẽ giao lại 02 công đất cho hai cháu nội là Cát Tvà Khánh Bàng, còn lại 02 công bà giao cho người đứng ra thờ cúng anh Hoàng A. Bà đồng ý chia tiền thuê đất hàng năm cho hai cháu nội là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

*Tại bản tự khai ngày 23/02/2024 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Anh Lê Trường G trình bày:* Vợ chồng anh có thuê 07 công đất ruộng của anh Hoàng Adứng tên để canh tác với giá là 16.250.000 đồng/năm, sau khi làm được 01 năm thì tăng lên 17.000.000 đồng/năm cho đến nay. Khi anh Hoàng A còn sống thì tiền thuê đất vợ chồng anh trả cho anh Hoàng A, đến khi anh Hoàng A chết thì tiền thuê đất trả cho mẹ vợ là . Hiện nay thửa đất trên vợ chồng anh vẫn đang thuê, canh tác hết năm theo như đã trả tiền thuê thì sẽ giao trả đất lại cho bà Duông. Việc tranh chấp giữa các bên vợ chồng anh xác định không có ý kiến và không yêu cầu tranh chấp gì.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2024 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Chị Võ Ngọc D trình bày:* Chị là con ruột của ông Thắng, bà Duông. Chị Diệu cho rằng trước đây em của chị là anh Võ Hoàng A đi làm ăn ở Bình Dương nên có gửi GCNQSDĐ cho chị cất giữ giùm, hiện nay chị đã giao trả lại giấy cho bà Đ cát giữ.

**Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Qua các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện anh Võ Hoàng A được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 508, tờ bản đồ 05, diện tích 9,543m<sup>2</sup> (theo đo đạc thực tế 9.606,5m<sup>2</sup>) tọa lạc tại ấp Cây Bàng, xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang là đúng trình tự thủ tục, đúng quy định pháp luật. Năm 2020 anh Hoàng A chết không để lại di chúc, từ đó đến nay thửa đất trên do bà Duông lý và cất giữ giấy CNQSDĐ. Anh Hoàng A không có cha mẹ, con nuôi nào khác nên căn cứ **theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự** những người thuộc hàng thừa kế của anh Hoàng A gồm: ông Th, bà Đ, chị Cát T và chị Khánh B Riêng chị M đã ly hôn với anh Hoàng A trước đó nên không thuộc hàng thừa kế của anh Hoàng A. Do đó, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản là quyền sử dụng thửa đất 508 do anh Hoàng A chết để lại là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

*Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng và nội dung của Tòa án như sau:*

**Về tố tụng:** Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán chấp hành các quy định về thụ lý vụ án, về thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng theo quy định, đối với người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bảo đảm quyền lợi của các bên đương sự. Tuy nhiên còn một số vi phạm như: vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử cần phải khắc phục, sửa chữa theo quy định của pháp luật.

**Về nội dung:** Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến phát biểu về phần nội dung vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu công nhận quyền thừa kế theo pháp luật của các nguyên đơn đối với di sản của anh Võ Hoàng A chết

để lại, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của anh Hoàng A thành 04 phần bằng nhau, mỗi người thừa kế được hưởng một phần bằng hiện vật, yêu cầu bà Đ giao lại quyền sử dụng đối với diện tích đất các nguyên đơn được hưởng thừa kế và giao trả GCNQSDĐ do anh Võ Hoàng A đứng tên để làm thủ tục tách QSDĐ cho những người được hưởng thừa kế. Bà Đ có yêu cầu phản tố yêu cầu công nhận diện tích đất 03 công tầm 3 mét (một phần của thửa đất 508) là thuộc quyền sử dụng của bà và không đồng ý chia thừa kế theo pháp luật đối với 04 công đất còn lại là di sản của anh Hoàng A mà yêu cầu được tiếp tục sử dụng cho đến khi già yếu bà sẽ giao cho hai cháu Cát T và Khánh B02 công, còn 02 công bà giao cho người thờ cúng anh Hoàng A. Bà Đ đồng ý chia tiền thuê đất hàng năm cho hai cháu nội là 5.000.000 đồng. Nên đây được xem là các tranh chấp về dân sự được quy định tại khoản 5, khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Đ có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang và diện tích đất mà hai bên tranh chấp tọa lạc tại ấp Cây Bàng, xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh G, chị H, chị D đã được Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng có đơn xin vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt các đương sự trên là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về di sản thừa kế: Nguồn gốc thửa đất số 508, tờ bản đồ 05, diện tích 9.543m<sup>2</sup> (diện tích đo thực tế 9.606,5m<sup>2</sup>) tọa lạc ấp Cây Bàng, xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang do anh Võ Hoàng A đứng tên là của ông Thắng, bà Đ cho lại anh Hoàng A. Anh Hoàng A được cấp GCNQSDĐ số CU858114, ngày 20/5/2020. Ông Th xác định đã cho hết 07 công tầm 3 mét tương đương diện tích được cấp giấy 9.543m<sup>2</sup>, còn bà Đ xác định bà và ông Th cho anh Hoàng A trước và sau tổng cộng 04 công tầm 3 mét. Sau khi bà và ông Th tự phân chia tài sản chung xong thì bà cho thêm anh Hoàng A 03 công tầm 3 mét để thờ cúng ông bà nên anh Hoàng A đứng tên tổng cộng là 07 công tầm 3 mét. Năm 2020 anh Hoàng A chết thì bà quản lý sử dụng diện tích đất trên và cho anh Giang, chị Hiền thuê canh tác. Anh Hoàng A chết không để lại di chúc nay các đồng nguyên đơn yêu cầu công nhận quyền thừa kế theo pháp luật, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của anh Hoàng A làm 04 phần bằng nhau cho những người được hưởng di sản thừa kế do anh Hoàng A để lại gồm: ông Th, bà Đ, chị Cát T và chị Khánh B. Bà Đ không đồng ý và có yêu cầu phản tố yêu cầu công nhận diện tích đất 03 công tầm 3 mét (một phần của thửa đất 508) là thuộc quyền sử dụng của bà và không đồng ý chia thừa kế theo pháp luật đối với 04 công đất còn lại là di sản của anh Hoàng A mà yêu cầu được tiếp tục sử dụng cho đến khi già yếu bà sẽ giao cho hai cháu Cát T và Khánh B02 công, còn 02 công bà giao cho người thờ cúng anh Hoàng A. Bà Đ đồng ý chia tiền thuê đất hàng năm cho hai cháu nội là 5.000.000 đồng. Do đó hai bên phát sinh tranh chấp.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/3/2022 và theo trích đo địa chính số: TĐ-508-2022 (508-05) ngày 22/11/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Giồng Riềng tài sản tranh chấp là thửa đất số 508, tờ bản đồ 05, diện tích đo thực tế là 9.606,5m<sup>2</sup> có vị trí và số đo các cạnh như sau (có sơ đồ kèm theo):

- Cạnh 1-2-5 giáp kênh thủy lợi có tổng số đo 64,2m (trong đó cạnh 1-2 là 38,20m và cạnh 2-5 là 26,00m);
- Cạnh 5-6 giáp thửa 509 của bà Huỳnh Thị Đcó số đo 150,65m;
- Cạnh 6-3-4 giáp thửa 506 của Chị Võ Ngọc D có tổng số đo 63,8m (trong đó cạnh 6-3 là 26,00m và cạnh 3-4 là 37,80m);
- Cạnh 4-1 giáp thửa 507 của Ông Võ Anh Th có số đo 150,00m;

**Phần diện tích đất 03 công bà Đ yêu cầu công nhận quyền sử dụng cho bà (một phần của thửa 508) có vị trí và số đo các cạnh như sau:**

- Cạnh 2-5 giáp kênh thủy lợi số đo 26,00m;
- Cạnh 5-6 giáp thửa 509 của bà Huỳnh Thị Đ có số đo 150,65m;
- Cạnh 6-3 giáp thửa 506 của Chị Võ Ngọc D có số đo 26,00m;
- Cạnh 3-2 giáp phần còn lại thửa 508 có số đo 150,38m;

**Tại biên bản ngày 14/12/2022 và tại phiên tòa các bên đương sự thống nhất với bản trích đo địa chính và chứng thư định giá, không yêu cầu đo đạc định giá lại**

**[3] Xét yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn:**

- Yêu cầu công nhận quyền thừa kế theo pháp luật của ông Thắng, bà Đ, chị Cát T, chị Khánh B đối với di sản của anh Võ Hoàng A chết để lại là thửa đất số 508, tờ bản đồ 05, diện tích 9.543m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 9.606,5m<sup>2</sup>) tọa lạc tại ấp Cây Bàng, xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang và yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật thành 04 phần bằng nhau, mỗi người được hưởng một phần bằng hiện vật.

- Buộc bà Đ **giao lại quyền sử dụng đối với diện tích đất ông Th, chị Cát T và chị Khánh B được hưởng thừa kế.**

- Buộc bà Đ giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Võ Hoàng A đứng để làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những người được hưởng thừa kế

Xét yêu cầu trên là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận – Bởi trong quá trình xác minh, thu thập chứng cứ và toàn bộ các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thấy rằng ông Th có làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho anh Võ Hoàng A vào ngày 13 tháng 02 năm 2020 thửa đất 508, tờ bản đồ số 05, diện tích 9.543m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 9.606,5m<sup>2</sup>) tọa lạc ấp Cây Bàng, xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, Kiên Giang, tuy hợp đồng tặng cho chỉ có ông Th ký tên mà không có bà Đ ký tên nhưng ông Th khẳng định bà Đ có biết việc ông tặng cho anh Hoàng A diện tích đất trên nhưng không có ý kiến phản đối hay tranh chấp gì. Tại phiên tòa bà Đ cũng xác định bà có biết việc anh Hoàng A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2020 và anh Hoàng A cho anh Lê Trường G thuê canh tác cho đến khi anh Hoàng A chết thì bà tiếp tục cho anh Giang thuê và lấy tiền thuê hàng năm nhưng bà vẫn không tranh chấp gì. Mặc khác trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bà Đ khẳng định vào năm 2003 bà và ông Th cho anh Hoàng A 02 công

tầm 3 mét, đến năm 2017 khi vợ chồng Hoàng Aly hôn cho tiếp 02 công tầm 3 mét và sau đó bà cho tiếp anh Hoàng Athêm 03 công tầm 3 mét để thờ cúng ông bà, tổng cộng là 07 công tầm 3 mét. Đến năm 2020 anh Hoàng Achết thì bà Quản lý sử dụng diện tích đất trên và cho anh Giang thuê trong một thời gian dài nhưng bà không có ý kiến hay tranh chấp gì cho đến nay, như vậy chứng minh được rằng tuy bà không ký tên vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho anh Hoàng Aưng trên thực tế bà biết được và đã đồng ý cùng ông Thtặng cho anh Hoàng Atoàn bộ diện tích đất trên. Do đó, anh Hoàng Achết không để lại di chúc thì thừa đất 508 là di sản thừa kế của anh Hoàng Achết để lại, hiện bà Đang quản lý. Tại phiên tòa các đương sự xác nhận anh Hoàng Akhông có cha mẹ và con nuôi nào khác, anh Hoàng Avà chị Mly hôn năm 2017 trước khi anh Hoàng Ađược cấp GCNQSD đất năm 2020 nên có cơ sở để xác định những người thuộc hàng thừa kế của anh Hoàng Agồm: ông Thắng, bà Đ, chị Cát T, chị Khánh Btheo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự.

Anh Võ Hoàng A được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 508, tờ bản đồ 05, diện tích là 9.543m<sup>2</sup> nhưng khi đo đạc thực tế có diện tích 9.606,5m<sup>2</sup>, dư 63,5m<sup>2</sup>. Tại biên bản làm việc ngày 14/12/2022 các bên đương sự đều thống nhất bản trích đo địa chính với diện tích đo đạc thực tế không ý kiến hay yêu cầu gì. Mặc khác theo hiện trạng, thửa đất tranh chấp có một bên giáp đất của bà Duông, một bên giáp đất ông Thvà phía sau hậu giáp đất con của ông Thắng, bà Đlà Chị Võ Ngọc D nhưng các bên đều không có ý kiến và tranh chấp gì đối với diện tích trên, nên HĐXX thống nhất căn cứ vào diện tích đo đạc thực tế 9.606,5m<sup>2</sup> để giải quyết vụ án là hoàn tòa phù hợp không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các bên.

Đối với người thuê đất canh tác là anh Giang, chị Hiền xác định anh, chị làm hết năm theo số tiền đã thuê thì sẽ trả lại đất cho bà Đvà không có ý kiến, không yêu cầu hay tranh chấp gì.

Tại biên bản lấy lời khai thì chị Diệu xác định hiện nay GCNQSDĐ của anh Hoàng Achị đã giao trả lại cho bà Đcất giữ và tại phiên tòa bà Đcũng khẳng định bà đang cất giữ giấy GCNQSDĐ của anh Hoàng A.

[4] Xét yêu cầu phản tố của bà Duông:

- Yêu cầu công nhận diện tích đất 03 công tầm 3 mét (một phần của thửa đất 508) là thuộc quyền sử dụng của bà

- Không đồng ý chia thừa kế theo pháp luật đối với 04 công đất còn lại là di sản của anh Hoàng Amà yêu cầu được tiếp tục sử dụng cho đến khi già yếu bà sẽ giao cho hai cháu Cát T và Khánh B02 công, còn 02 công bà giao cho người thờ cúng anh Hoàng A. Bà Đđồng ý chia tiền thuê đất hàng năm cho hai cháu nội là 5.000.000 đồng.

Xét yêu cầu trên của bà Đlà không có căn cứ để chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết bà Đcho rằng tiền thuê đất hàng năm bà đồng ý chia cho chị Cát Tvà chị Khánh Blà 5.000.000 đồng, tuy nhiên tại phiên tòa bà Đxác định từ khi cho thuê đất đến nay bà không có chia tiền cho hai cháu. Trong quá trình giải quyết ông Th, chị Cát T và chị Khánh Bkhông yêu cầu đối với số

tiền bà Đthu được từ việc cho thuê đất của anh Hoàng Anên Tòa án không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] Từ cơ sở nhận định và phân tích trên, HĐXX nghị nên:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Th, chị Cát T, chị Khánh B đối với bị đơn bà Đ.

**- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị Đ.**

Chia di sản thừa kế của anh Hoàng Alà thừa đất số 508, tờ bản đồ 05, diện tích 9.606,5m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Cây Bàng, xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang thành 04 kỷ phần bằng nhau cho những người được hưởng thừa kế theo pháp luật gồm ông T, bà Đ, chị Cát T và chị Khánh B, mỗi người được hưởng một kỷ phần. Cụ thể:

- Ông Thđược hưởng thừa kế diện tích đất 2.401,625m<sup>2</sup> (loại đất lúa);

- Chị Cát Tđược hưởng thừa kế diện tích 2.401,625m<sup>2</sup> (loại đất lúa);

- Chị Khánh Bđược hưởng thừa kế diện tích 2.401,625m<sup>2</sup> (loại đất lúa), do chị Khánh Bchưa đủ 18 tuổi nên phần di sản thừa kế chị Khánh Bđược hưởng sẽ giao cho người đại diện hợp pháp của chị Khánh Blà chị Trần Thị M quản lý.

- Bà Đđược hưởng thừa kế diện tích 2.401,625m<sup>2</sup> (loại đất lúa);

*Vị trí, số đo các cạnh ông Thắng, bà Đ, chị Cát T, chị Khánh Bđược chia thừa kế mỗi người có diện tích 2.401,625m<sup>2</sup> như sau:*

- Cạnh 1-2-5 có tổng số đo 64,2m chia làm 04 mỗi người được 16,05m chiều ngang mặt tiền giáp kênh thủy lợi.

- Cạnh 4-3-6 có tổng số đo 63,80m chia làm 04 mỗi người được 15,95m chiều ngang sau hậu giáp thửa 506 của Chị Võ Ngọc D.

Cụ thể: Bắt đầu từ vị trí số 1 của cạnh 1-2-5 chia cho ông Thngang phía trước 16,05m đo thẳng tới phía sau hậu cạnh 4-3-6 tính từ vị trí số 4 ngang 15,95m; kế tiếp giáp phần ông Thlà chia cho chị Cát Tngang phía trước 16,05m đo thẳng tới cạnh 4-3-6 ngang 15,95m; kế tiếp giáp phần chị Tường chia cho chị Khánh Bngang phía trước 16,05m đo thẳng tới cạnh 4-3-6 ngang 15,95m; kế tiếp giáp phần chị Khánh Bchia cho bà Đngang phía trước 16,05m đo thẳng tới cạnh 4-3-6 ngang 15,95m.

- Buộc bà Đgiao trả diện tích đất được hưởng thừa kế như trên cho ông Thắng, chị Cát Tvà chị Khánh B.

- Buộc bà Đgiao trả GCNQSDĐ số CU858114 cấp ngày 20/5/2020 do anh Võ Hoàng A đứng tên để làm thủ tục tách QSDĐ cho những người được hưởng thừa kế.

Trường hợp bà Đkhông thực hiện và khi ông Thắng, chị Cát Tường, chị Khánh Bcó yêu cầu, kiến nghị **Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Kiên Giang** thu hồi GCNQSDĐ trên điều chỉnh và cấp lại cho cho những người được hưởng thừa kế, theo trích đo địa chính số TĐ 508-2022(508-05) ngày 22/11/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Giồng Riềng.

[6] Về án phí và chi phí tố tụng:

- *Về án phí:* Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày

30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông T, bà Đ, chị Cát T và chị Khánh B mỗi người phải chịu tương ứng với giá trị tài sản được hưởng là  $(2.401,625\text{m}^2 \times 56.000/\text{m}^2) \times 5\% = 6.724.550$  đồng

Do Ông Thắng, bà Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí và chị Khánh B là trẻ em nên được miễn theo quy định pháp luật.

- **Chị Võ Trần Cát T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.724.550 đồng. Nhưng khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Cát T đã nộp là 2.300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005700 ngày 30/12/2021 của Chi cục thu hành án dân sự huyện Giồng Riềng, chị Tường còn phải nộp thêm 4.424.550 đồng, làm tròn là 4.425.000 đồng**

- *Về chi phí tố tụng:* Áp dụng khoản 2 Điều 157 và khoản 2 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự

*Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ* là 1.020.000 theo biên lai thu tiền số 00000489 ngày 06/3/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Giồng Riềng buộc các bên đương sự phải chịu nhưng tại phiên tòa chị M (người đại diện hợp pháp của chị Khánh B) xác định số tiền trên do chị nộp và chị tự nguyện chịu toàn bộ, chị M đã nộp xong không phải nộp thêm.

*Về chi phí định giá tài sản tranh chấp* là 5.276.000 đồng theo biên lai thu tiền số 00000155 ngày 19/5/2023 của Công ty cổ phần thẩm định giá và tư vấn đầu tư Miền tây buộc các bên đương sự phải chịu nhưng tại phiên tòa ông Th xác định do ông nộp và ông tự nguyện chịu toàn bộ, ông Th đã nộp xong không phải nộp thêm.

Xét đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Tòa án là có căn cứ chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 157; khoản 2 Điều 156 ; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 269; Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 649, khoản 1 Điều 650, khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn Ông Võ Anh Th, Chị Võ Trần Cát T, Chị Võ Trần Khánh B đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Đ.

Chia di sản thừa kế của anh Võ Hoàng A là thửa đất số 508, tờ bản đồ 05, diện tích  $9.606,5\text{m}^2$  tọa lạc tại ấp Cây Bàng, xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có sơ đồ kèm theo) thành 04 kỷ phần bằng nhau cho những người

được hưởng thừa kế theo pháp luật gồm Ông Võ Anh Th, Bà Huỳnh Thị ĐChị Võ Trần Cát T, Chị Võ Trần Khánh B, mỗi người được hưởng một kỷ phần. Cụ thể:

- Ông Thđược hưởng thừa kế diện tích đất  $2.401,625m^2$  (loại đất lúa);
- Chị Cát Tđược hưởng thừa kế diện tích  $2.401,625m^2$  (loại đất lúa);
- Chị Khánh Bđược hưởng thừa kế diện tích  $2.401,625m^2$  (loại đất lúa), do chị Khánh Bchưa đủ 18 tuổi nên phần di sản thừa kế chị Khánh Bđược hưởng sẽ giao cho người đại diện hợp pháp của chị Khánh Blà chị Trần Thị M quản lý.

- Bà Đđược hưởng thừa kế diện tích  $2.401,625m^2$  (loại đất lúa);

Vị trí, số đo các cạnh ông Thắng, bà Đ, chị Cát T, chị Khánh Bđược chia thừa kế mỗi người có diện tích  $2.401,625m^2$  như sau:

- Cạnh 1-2-5 có tổng số đo 64,2m chia làm 04 mỗi người được 16,05m chiều ngang mặt tiền giáp kênh thủy lợi.

- Cạnh 4-3-6 có tổng số đo 63,80m chia làm 04 mỗi người được 15,95m chiều ngang sau hậu giáp thửa 506 của Chị Võ Ngọc D.

Cụ thể: Bắt đầu từ vị trí số 1 của cạnh 1-2-5 chia cho ông Thngang phía trước 16,05m đo thẳng tới phía sau hậu cạnh 4-3-6 tính từ vị trí số 4 ngang 15,95m; kế tiếp giáp phần ông Thlà chia cho chị Cát Tngang phía trước 16,05m đo thẳng tới cạnh 4-3-6 ngang 15,95m; kế tiếp giáp phần chị Tường chia cho chị Khánh Bngang phía trước 16,05m đo thẳng tới cạnh 4-3-6 ngang 15,95m; kế tiếp giáp phần chị Khánh Bchia cho bà Đngang phía trước 16,05m đo thẳng tới cạnh 4-3-6 ngang 15,95m.

- Buộc bà Huỳnh Thị Đgiao trả cho ông Th, chị Cát T và chị Khánh Bdiện tích đất được hưởng thừa kế của mỗi người là  $2.401,625m^2$ .

- Buộc bà Huỳnh Thị Đgiao trả GCNQSDĐ số CU858114 cấp ngày 20/5/2020 do anh Võ Hoàng A đứng tên để làm thủ tục tách QSDĐ cho những người được hưởng thừa kế.

Trường hợp bà Đkhông thực hiện và khi ông Thắng, chị Cát Tường, chị Khánh Bcó yêu cầu, kiến nghị **Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Kiên Giang** thu hồi GCNQSDĐ trên điều chỉnh và cấp lại cho cho những người được hưởng thừa kế, theo trích đo địa chính số TĐ 508-2022(508-05) ngày 22/11/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Giồng Riềng.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị Đđối với các đồng nguyên đơn.

### 3. Án phí, chi phí tố tụng:

- *Về án phí:* Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch Ông Võ Anh Th, Bà Huỳnh Thị ĐChị Võ Trần Cát T và Chị Võ Trần Khánh B mỗi người phải chịu tương ứng với giá trị tài sản được hưởng là  $(2.401,625m^2 \times 56.000/m^2) \times 5\% = 6.724.550$  đồng (sáu triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi đồng)

Do ông Thắng, bà Đlà người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí; chị Khánh Blà trẻ em nên được miễn án phí theo quy định pháp luật.

- Chị Võ Trần Cát T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.724.550 đồng (sáu triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi đồng). Nhưng khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Cát T đã nộp là 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005700 ngày 30/12/2021 của Chi cục thu hành án dân sự huyện Giồng Riềng, chị Tường còn phải nộp thêm 4.424.550 đồng, làm tròn là 4.425.000 đồng (bốn triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Về chi phí tố tụng: Áp dụng khoản 2 Điều 157 và khoản 2 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.020.000 theo biên lai thu tiền số 00000489 ngày 06/3/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Giồng Riềng buộc các bên đương sự phải chịu nhưng tại phiên tòa chị M (người đại diện hợp pháp của chị Khánh B) xác định do chị nộp và chị tự nguyện chịu toàn bộ, chị M đã nộp xong không phải nộp thêm.

Về chi phí định giá tài sản tranh chấp là 5.276.000 đồng (Năm triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 00000155 ngày 19/5/2023 của Công ty cổ phần thẩm định giá và tư vấn đầu tư Miền tây buộc các bên đương sự phải chịu nhưng tại phiên tòa ông Th xác định do ông nộp và ông tự nguyện chịu toàn bộ, ông Th đã nộp xong không phải nộp thêm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn luật định là 15 (mười lăm) ngày. Đương sự có mặt được tính kể từ ngày tuyên án (ngày 19/3/2024); Riêng đương sự vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**Dương Văn Hâm**